| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ THUẬN THÀNH**<br>TỈNH BẮC NINH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23/12/2024
V/v: Tranh chấp về hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN THÀNH - TỈNH BẮC NINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Sỹ Cây.

*Các Hội Thẩm nhân dân*: Ông Trần Hồng Sơn, bà Ngô Thị Hằng.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Thập – Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận Thành tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 07/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đồng Thị T, sinh năm 1991. (có mặt)

Quê quán, nơi cư trú: Thôn Lương Cụ Bắc, xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

HKTT: Khu phố Công Hà, phường Hà Mãn, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Biện Xuân T1, sinh năm 1988. (có mặt)

HKTT: Khu phố C, phường H, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa thì nội dung vụ án tóm tắt như sau.*

Chị Đồng Thị T là người quê huyện Q, tỉnh Thái Bình quen và kết hôn với anh Biện Văn T2 người quê Bắc Ninh vào tháng 8/2012, kết hôn do hai bên tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã H, huyện T (nay là phường H, thị xã T), tỉnh Bắc Ninh. Sau khi làm lễ cưới vợ chồng về chung sống cùng với gia đình anh T2, Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có 02 con chung, sau đó thì đã nảy sinh mâu thuẫn.

*Theo phía chị T trình bày*:

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T2 mải chơi, không quan tâm lo lắng cho vợ con, cho gia đình. Anh T2 chơi bời nợ lần nhiều dẫn đến chị, bố mẹ anh T2 đã phải nhiều lần trả nợ đậy cho anh T2. Vợ chồng bất đồng với nhau về nhiều vấn đề trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên mọi việc trong gia đình đều không có thống nhất, thường xuyên mâu thuẫn. Theo chị T thì suốt trong khoảng thời gian 12 năm chung sống mâu thuẫn vợ chồng xảy ra thường xuyên và ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc. Khi vợ chồng mâu thuẫn như vậy gia đình hai bên cũng có khuyên giải, khuyên can để vợ chồng giảm bớt mâu thuẫn căng thẳng nhưng cũng không có kết quả, vợ chồng vẫn mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng.

Kể từ khoảng tháng 10/2024 do vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở Thái Bình để ở, nhưng sau đó vợ chồng vẫn không cải thiện được tình cảm. Nay chị T thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết để chị được ly hôn anh T2.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Biện Quốc H, sinh ngày 13/2/2013 và cháu Biện Thị Thùy D, sinh ngày 18/12/2015, hiện cả hai cháu đang ở với anh T2 kể từ khi vợ chồng ly thân. Ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Thùy D, còn anh T2 nuôi cháu Quốc H. Việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Phía anh T2 trình bày:*

Anh T2 xác nhận nội dung anh kết hôn với chị T như phía chị T đã trình bày là đúng. Theo anh thì vợ chồng sau khi về chung sống thời gian đầu cũng không có điều tiếng gì nhiều với nhau, vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc. Tuy nhiên sau đó thì vợ chồng cũng đã nảy sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do bất đồng nhiều trong quan điểm sống, trong việc làm ăn kinh tế xây dựng gia đình. Vợ chồng bất đồng nên cũng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn, hay cãi cọ nhau, mâu thuẫn cũng có những thời điểm trầm trọng.

Kể từ tháng 10/2024 đến nay chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở, không chung sống cùng với anh nữa. Bản thân anh cũng đã nói chuyện hàn gắn để vợ chồng quay về chung sống nhưng phía chị T vẫn nhất định không quay về. Nay chị T có yêu cầu ly hôn anh thấy tình cảm vợ chồng có thể gắn kết lại được nên anh không đồng ý ly hôn theo như yêu cầu của chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Biện Quốc H, sinh ngày 13/2/2013 và cháu Biện Thị Thùy D, sinh ngày 18/12/2015. Kể từ thời điểm chị T bỏ đi thì anh trực tiếp nuôi dưỡng hai con, phía chị T cũng không có trách nhiệm với con, không quan tâm con. Nay trường hợp nếu phải ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi hai con chung vì chị T không có công việc, không có thu nhập ổn định.

Nếu được trực tiếp nuôi hai con anh không yêu cầu chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: Anh T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ yêu cầu như đã trình bày trong nội dung đơn ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết để chị được ly hôn anh T2 và được trực tiếp nuôi cháu Biện Thị Thùy D. Chị T cũng trình bày trong thời gian vợ chồng sống ly thân chị cũng đã suy nghĩ nhiều và thấy không thể tiếp tục chung sống với anh T2 được nữa nên chị vẫn đề nghị HĐXX giải quyết để chị được ly hôn anh T2. Phía anh T2 vẫn có nguyện vọng chị T quay về để tiếp tục chung sống, tuy nhiên sau đó anh cũng thấy rằng vợ chồng không thể đoàn tụ được nên anh T2 cũng thuận tình ly hôn. Tại phiên tòa cả chị T và anh T2 đều tự nguyện thuận tình ly hôn. Về nuôi con anh T2 đề nghị được trực tiếp nuôi hai con chung và cũng không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Về tài sản chung cả chị T, anh T2 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận Thành tiến hành tố tụng tại phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật: Trong thời gian chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, những người tiến hành tố tụng khác cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Tại phiên tòa do cả chị T và anh T2 đều tự nguyện thuận tình ly hôn nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh T2. Về con chung thấy rằng cả phía chị T và anh T2 đều có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con chung. Yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Thùy D của chị T phù hợp với nguyện vọng của cháu Thùy D muốn được ở với mẹ. Nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử giao cho chị T được trực tiếp nuôi cháu Biện Thị Thùy D, giao cho anh T2 được trực tiếp nuôi cháu Biện Quốc H. Cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật. Về án phí chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

*Từ nội dung trên*:

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Biện Thị T3 được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Anh Biện Văn T2 có nơi thường trú, cư trú tại thị xã T. Do vậy việc Tòa án nhân dân thị xã Thuận Thành thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị T3 là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị T kết hôn với anh Biện Văn T2 vào ngày 7/8/2012, kết hôn do tự nguyện và có đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau và chung sống với phía gia đình anh T2. Vợ chồng cũng đã có thời gian chung sống hạnh phúc và đã có 02 con chung, tuy nhiên sau đó thì mối quan hệ vợ chồng cũng đã nảy sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng dẫn đến việc chị T không thể tiếp tục chung sống được nữa mà phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở. Quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa phía chị T trình bày cho rằng vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn từ rất lâu mà nguyên nhân là do anh T2 đã không quan tâm gia đình, vợ con. Vợ chồng bất đồng với nhau rất nhiều về nhiều vấn đề trong cuộc sống chung đã làm cho mối quan hệ vợ chồng rất áp lực, căng thẳng, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc.

Kể từ thời điểm 10/2024 vợ chồng sống ly thân đến nay nhưng cũng vẫn không cải thiện được mối quan hệ tình cảm. Qua xác minh tại địa  phương cũng như phía gia đình anh T2 thì thấy mâu thuẫn vợ chồng là có thật. Tại phiên tòa chị T vẫn giữ yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vì chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh T2 được nữa. Phía anh T2 cũng thuận tình ly hôn nên HĐXX thấy rằng cần chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa, xử công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị Đồng Thị T với anh Biện Văn T2.

[2.2]. Về con chung: Căn cứ vào lời khai của chị T, anh T2, căn cứ vào bản sao giấy khai sinh của con mà chị T cung cấp cho Tòa án thì xác định được vợ chồng có 02 con chung là các cháu Biện Quốc H, sinh ngày 13/2/2013 và cháu Biện Thị Thùy D, sinh ngày 18/12/2015. Ly hôn chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thùy D, phía anh T2 có nguyện vọng và yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung. Xét thấy, cả chị T và anh T2 đều có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Phía cháu Thùy D có nguyện vọng được ở với mẹ nên cần chấp nhận yêu cầu của phía chị T, giao cho chị T được trực tiếp nuôi cháu Thùy D, giao cho anh T2 trực tiếp nuôi cháu Quốc H. Cấp dưỡng nuôi con không xem xét giải quyết do cả chị T và anh T2 đều không yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

[2.3]. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết do chị T anh T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Bởi các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị Đồng Thị T với anh Biện Văn T2.

2. Về con chung: Giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Biện Thị Thùy D, sinh ngày 18/12/2015. Giao cho anh T2 được nuôi cháu Biện Quốc H, sinh ngày 13/2/2013. Cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét giải quyết do chị T, anh T2 không có yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết do chị T, annh T2 không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0001511 ngày 06/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh T2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận**
- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND thị xã Thuận Thành.
- Chi cục THADS thị xã Thuận Thành.
- UBND phường Hà Mãn, tx Thuận Thành.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Nguyễn Sỹ Cây**